

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- **Tên học phần:** Tiếng Anh 3
- **Mã số học phần:** 10047
- **Số tín chỉ học phần :** 3 tín chỉ
- **Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành:** Bậc Đại học Chính quy, các lớp không chuyên Anh.
- **Số tiết học phần:**
 - Lên lớp: 45 tiết
 - Sinh viên tự học: 135 giờ

-**Môn học trước:** Tiếng Anh 2

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

CO1. **Về kiến thức:** Dựa trên giáo trình chính, mỗi bài học tập trung vào các chủ điểm khác nhau nhằm giúp sinh viên dễ tiếp cận và vận dụng kiến thức và các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao theo giúp sinh viên củng cố về ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, đọc hiểu về các lĩnh vực phổ biến trong cuộc sống. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên tối ưu hóa tiềm năng của bản thân, sách tập trung vào vai trò quan trọng của việc thực hành. Đặc biệt, học phần này đảm bảo sinh viên thực sự có thể sử dụng ngôn ngữ đã học vào trong thực tiễn, củng cố phát âm, nhấn âm và ngữ điệu.

CO2. **Về kỹ năng:** Dựa vào các nội dung chính trong giáo trình, từng bài học tập trung vào các chủ điểm khác nhau nhằm phát triển bốn kỹ năng Nói, Nghe, Đọc, và Viết cho người học. Rèn luyện kỹ năng nghe đúng ngữ pháp tiếng Anh và ngữ cảnh. Viết các cấu trúc câu tiếng Anh ở trình độ trung cao, kỹ năng sử dụng từ ngữ và các kiến thức nền tảng áp dụng vào các bài tập thực hành hội thoại tiếng Anh.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- **Kiến thức:**

Chuẩn Đầu Ra	Nội dung	Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra

Học Phần		Chương Trình Đào Tạo
CELO1	<p>Từ vựng: các từ vựng về quốc gia và quốc tịch, số đếm từ 1-1000, các từ về vật dụng cá nhân. Ngữ pháp: cách sử dụng và cách phát âm các động từ “To be”, tính từ sở hữu, ‘s dùng trong sở hữu cách. Phát âm: cách nhấn câu. Đọc: bài đọc “Maria Gosmez_My month in London”.</p>	LO1, LO2
CELO2	<p>Giao tiếp: hội thoại về chủ đề “Lost and found”. Nói: hỏi và trả lời thông tin cá nhân. Từ vựng: các từ vựng về nghề nghiệp và các động từ liên quan đến từng nghề nghiệp nhất định, các từ vựng về hoạt động. Ngữ pháp: cách sử dụng thì hiện tại đơn (thể khẳng định và phủ định). Phát âm: các từ tận cùng bằng “s” hoặc “es”. Nghe: video về các hoạt động trong thời gian rảnh, nghe tên, nơi chốn, ngày trong tuần, thời gian.</p>	
CELO3	<p>Ngữ pháp: cách sử dụng thì hiện tại đơn (dạng nghi vấn với trợ động từ). Phát âm: trợ động từ “Do/</p>	

	<p>Does”. Viết: cách sử dụng các từ nối “and, but, or”, cách mở đầu và kết thúc một email không trang trọng, viết email cho một người bạn. Hệ thống kiến thức: ngữ pháp, từ vựng, phát âm, 4 kĩ năng nghe-nói-đọc-viết của unit 1 và unit 2.</p>	
CELO4	<p>Từ vựng: các từ vựng về chủ đề “gia đình”, các trạng từ và cụm từ chỉ sự thường xuyên, các từ vựng chỉ hoạt động (2). Phát âm: cách nhấn câu. Ngữ pháp: cách sử dụng các trạng từ và cụm từ chỉ sự thường xuyên, cách sử dụng các động từ “love, like, hate, enjoy, don’t mind” với danh từ hoặc động từ thêm ING. Đọc: sự khác nhau trong cách sử dụng từ “also” và “too”, kĩ năng đọc “scanning”, bài đọc “Clubs near you”.</p>	
CELO5	<p>Nói: các mẫu câu thường dùng để lên kế hoạch cho một việc gì đó, thực hiện hội thoại với bạn để lên kế hoạch cho một hoạt động, thực hiện hội thoại với bạn để chấp nhận hoặc từ chối một lời mời. Từ vựng: các</p>	

	<p>động từ về hoạt động hằng ngày, các từ vựng về thời tiết và các mùa trong năm.</p> <p>Ngữ pháp: giới từ chỉ thời gian. Phát âm: nhấn câu.</p> <p>Nghe: kĩ năng nghe nội dung chính, nghe video về thời tiết của những vùng khác nhau trên thế giới.</p>	
CELO6	<p>Ngữ pháp: cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn. Phát âm: cách đọc nối các phụ âm và nguyên âm. Viết: cách sử dụng các đại từ nhân xưng, cách mô tả một bức ảnh, viết email tả về một kì nghỉ. Hệ thống kiến thức: ngữ pháp, từ vựng, phát âm, 4 kĩ năng nghe-nói-đọc-viết của unit 3 và unit 4.</p>	
CELO7	<p>Từ vựng: các động từ về trang phục, số thứ tự. Ngữ pháp: phân biệt thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn. Phát âm: cách phát âm các ngày trong tháng, và các tháng trong năm.</p> <p>Đọc: nhận dạng sự thật và ý kiến cá nhân, vị trí khác nhau của tính từ trong câu, bài đọc “Uniforms-Are you a fan?”</p>	
CELO8	<p>Từ vựng: các từ vựng về</p>	

	<p>chủ đề “sở thích”. Ngữ pháp: “can” và “can’t”.</p> <p>Nói: các mẫu câu thường dùng để mua sắm quần áo, các mẫu câu thường dùng để đề nghị giúp đỡ người khác, thực hiện hội thoại với bạn đóng vai người mua và nhân viên trong một cửa hàng quần áo.</p>	
CELO9	<p>Từ vựng: các từ vựng về phòng ốc và nội thất trong nhà, các tính từ phổ biến.</p> <p>Ngữ pháp: there is/ there are, giới từ chỉ nơi chốn.</p> <p>Phát âm: there is/ there are.</p> <p>Nghe: nhận dạng các điểm mấu chốt trong bài nghe, nghe các từ viết tắt, nghe video về các ngôi nhà kì lạ.</p>	
CELO10.	<p>Từ vựng: các từ vựng về nơi chốn trong thành phố.</p> <p>Ngữ pháp: modifiers. Viết: cách nhận diện và viết câu chủ đề, cách mô tả nơi chốn, viết một đoạn văn mô tả về thành phố nơi mình sinh sống. Hệ thống kiến thức: ngữ pháp, từ vựng, phát âm, 4 kĩ năng nghe-nói-đọc-viết của unit 5 và unit 6.</p>	

- Kỹ năng:

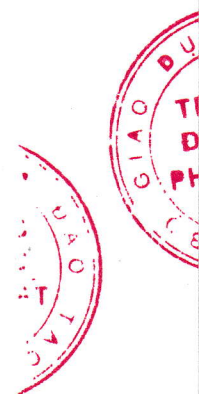
Chuẩn Đầu Ra Học Phần	Nội dung	Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo
CELO11.	<p>SV nhận biết và sử dụng được các từ về quốc gia và quốc tịch. SV có thể đếm được các số từ 1-1000. SV biết cách sử dụng và phát âm các động từ “Tobe”, tính từ sở hữu, ‘s dùng trong sở hữu cách. SV có thể kết hợp kiến thức ngữ pháp và từ vựng để giao tiếp các đoạn hội thoại ngắn. SV hiểu được nội dung bài đọc và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài.</p>	<i>LO4, LO5</i> <i>LO6,LO7</i> <i>LO8.LO8</i> <i>LO10</i>
CELO12.	<p>SV nhận biết và sử dụng được các từ vựng về nghề nghiệp và các động từ liên quan đến từng nghề nghiệp nhất định, các từ vựng về hoạt động. SV có thực hiện đoạn hội thoại về chủ đề “Lost and found”, hỏi và trả lời được thông tin cá nhân. SV biết cách sử dụng và cách phát âm các từ tận cùng bằng “s” hoặc “es”. SV có thể làm được các bài tập và đặt câu với thì hiện tại đơn (thể khẳng định và phủ định). SV có thể nghe được video về các</p>	

Chuẩn Đầu Ra Học Phần	Nội dung	Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo
CELO11.	<p>SV nhận biết và sử dụng được các từ về quốc gia và quốc tịch. SV có thể đếm được các số từ 1-1000. SV biết cách sử dụng và phát âm các động từ “Tobe”, tính từ sở hữu, ‘s dùng trong sở hữu cách. SV có thể kết hợp kiến thức ngữ pháp và từ vựng để giao tiếp các đoạn hội thoại ngắn. SV hiểu được nội dung bài đọc và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài.</p>	<i>LO4, LO5</i> <i>LO6,LO7</i> <i>LO8.LO8</i> <i>LO10</i>
CELO12.	<p>SV nhận biết và sử dụng được các từ vựng về nghề nghiệp và các động từ liên quan đến từng nghề nghiệp nhất định, các từ vựng về hoạt động. SV có thực hiện đoạn hội thoại về chủ đề “Lost and found”, hỏi và trả lời được thông tin cá nhân. SV biết cách sử dụng và cách phát âm các từ tận cùng bằng “s” hoặc “es”. SV có thể làm được các bài tập và đặt câu với thì hiện tại đơn (thể khẳng định và phủ định). SV có thể nghe được video về các</p>	

	<p>hoạt động trong thời gian rảnh, nghe tên, nơi chốn, ngày trong tuần, thời gian.</p>	
CELO13.	<p>SV nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn (dạng nghi vấn với trợ động từ). SV biết cách sử dụng và cách phát âm trợ động từ “Do/ Does”. SV biết cách sử dụng các từ nối “and, but, or”, cách mở đầu và kết thúc một email không trang trọng. SV có thể viết được email cho một người bạn. Sinh viên có thể củng cố lại các kiến thức đã học ở Unit 1 và 2 và làm được các bài tập trong sách.</p>	
CELO14.	<p>SV nhận biết và sử dụng được các từ vựng về chủ đề “gia đình”, các trạng từ và cụm từ chỉ sự thường xuyên. SV biết cách sử dụng và phát âm các động từ “To be”, tính từ sở hữu, ‘s dùng trong sở hữu cách. SV có thể kết hợp kiến thức ngữ pháp và từ vựng để đặt câu hoặc giao tiếp các đoạn hội thoại ngắn. SV biết được sự khác nhau trong cách sử dụng từ “also” và “too”. SV vận dụng được kỹ năng đọc “scanning” để đọc hiểu.</p>	

	<p>SV hiểu được nội dung bài đọc và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài. SV nhận biết và sử dụng được các động từ “love, like, hate, enjoy, don’t mind” với danh từ hoặc động từ thêm ING. SV biết được nghĩa các từ vựng chỉ hoạt động (2). SV biết cách nhấn câu. SV có thể làm được các bài tập và đặt câu với “love, like, hate, enjoy, don’t mind” + danh từ hoặc động từ thêm ING.</p>	
CELO15.	<p>SV có thể thực hiện đoạn hội thoại với bạn để lên kế hoạch cho một hoạt động. SV có thể thực hiện hội thoại với bạn để chấp nhận hoặc từ chối một lời mời. SV biết nghĩa và sử dụng được các động từ về hoạt động hằng ngày, các từ vựng về thời tiết và các mùa trong năm. SV nhận biết, làm bài tập và đặt được câu với các giới từ chỉ thời gian. SV nắm được kỹ năng nghe nội dung chính. Sv nghe hiểu được video về thời tiết của những vùng khác nhau trên thế giới và làm được các</p>	

	bài tập liên quan.	
CELO16.	SV nhận biết và sử dụng được thì hiện tại tiếp diễn. SV biết cách đọc nối các phụ âm và nguyên âm. SV biết cách sử dụng các đại từ nhân xưng để viết câu một cách hợp lí. SV biết cách và có thể mô tả một bức ảnh. SV có thể viết email tả về một kì nghỉ. Sinh viên nắm được các kiến thức đã học ở Unit 1 và 2 và có thể vận dụng chúng để hoàn thiện các kĩ năng và làm được các bài tập trong sách.	
CELO17.	SV biết nghĩa và sử dụng được các động từ về trang phục, số thứ tự. SV phân biệt và đặt được câu với thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn trong các ngữ cảnh khác nhau. SV đọc được các ngày trong tháng, và các tháng trong năm. SV hiểu được bài đọc “Uniforms-Are you a fan?” và trả lời được các câu hỏi có liên quan	
CELO18.	SV biết nghĩa và sử dụng được các từ vựng về chủ đề “sở thích”. SV nhận biết, làm bài tập và đặt được câu với “can” và	



	<p>“can’t”. SV biết và sử dụng được các mẫu câu thường dùng để mua sắm quần áo, các mẫu câu thường dùng để đề nghị giúp đỡ người khác trong một đoạn hội thoại ngắn. SV có thể thực hiện hội thoại với bạn đóng vai người mua và nhân viên trong một cửa hàng quần áo.</p>	
CELO19.	<p>SV biết nghĩa và sử dụng được các từ vựng về phòng ốc và nội thất trong nhà, các tính từ phổ biến. SV nhận biết, làm bài tập và đặt được câu với there is/ there are, giới từ chỉ nơi chốn. SV nắm được kỹ năng nghe để nhận diện được các điểm mấu chốt trong bài nghe, nghe các từ viết tắt. Sv nghe hiểu được video về các ngôi nhà kì lạ và làm được bài tập liên quan.</p>	
CELO20.	<p>SV nhận biết và sử dụng được các từ bổ nghĩa cho câu. SV biết nghĩa và sử dụng được các từ vựng về nơi chốn trong thành phố. SV biết cách nhận diện và viết câu chủ đề. SV biết cách mô tả nơi chốn. SV</p>	

	có thể viết một đoạn văn mô tả về thành phố nơi mình sinh sống. Sinh viên nắm được các kiến thức đã học ở Unit 5 và 6 và có thể vận dụng chúng để hoàn thiện các kỹ năng và làm được các bài tập trong sách.	
CELO21.	Kỹ năng giao tiếp	
CELO22.	Kỹ năng làm việc nhóm	
CELO23.	Kỹ năng thuyết trình	
CELO24.	Kỹ năng tự học	

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Chuẩn Đầu Ra Học Phần	Nội dung	Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo
CELO25.	Chuẩn bị bài và đọc tài liệu trước khi đến lớp	<i>LO11, LO12</i>
CELO26.	Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương	<i>LO13, LO14 LO15, LO16</i>
CELO27.	Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường	
CELO28.	Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, đạo văn	

4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN:

4.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 06 bài, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, bài khóa (đối thoại, bài đọc), bài đọc hiểu, các mẫu câu để thực hành nghe – nói, bài đọc hiểu mở rộng cung cấp kiến thức liên quan đến bài học hoặc chủ đề có liên quan. Mỗi bài còn có bài tập tự học đi kèm giúp cho người học có thể ôn tập lại, củng cố bài đã học trên lớp.

4.2. Nội dung học phần:

STT	Nội dung	Số tiết				TL	CĐR	Lưu ý
		TC	LT	BT	TH	TH		
1.	Unit 1: You and me +1A. Meeting and greeting +1B. My summer blog +1C. Is that a “man bag”?	4	2	2		12	CELO1 CELO11 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27	
2.	- Unit 1: You and me (cont) +1D. Where’s my wallet? - Unit 2 : Work and play +2A. What I do +2B. Weekdays, weekends	4	2	2		12	CELO2 CELO12 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27	
3.	- Unit 2 : Work and play (cont) - Review and practice Unit 1 and 2 +2C. Find a roommate +2D. A new city	4	2	2		12	CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27	
4.	- Unit 3: People in my life +3A. Time together +3B. A new group +3C. Opposites attract	4	2	2		12	CELO4 CELO14 CELO21 CELO22	

							CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27	
5.	<p>- Unit 3: People in my life (cont) +3D. A night out</p> <p>- Unit 4: Home and away +4A. 24 hours in the dark +4B. Weather around the world</p>	4	2	2		12	CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27	
6.	<p>- Unit 4: Home and away (cont) -Review and practice Unit 3 and 4 +4C. A long weekend +4D. A vacation with friends</p>	4	2	2		12	CELO6 CELO16 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27	
7.	<p>- Unit 5: What are you wearing ? +5A. Party time +5B. Don't tell me what to wear</p>	4	2	2		12	CELO7 CELO17 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27	

8.	<p>- Unit 5: What are you wearing ? (cont)</p> <p>+5C. Do the things you love</p> <p>+5D. Can I try it on?</p>	4	2	2	12	CELO8 CELO18 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27
9	<p>-Unit 6: Homes and cities +6A. A small space</p> <p>+6B. Amazing homes</p>	4	2	2	12	CELO9 CELO19 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27
10	<p>-Unit 6: Homes and cities (cont)</p> <p>--Review and practice Unit 5 and 6</p> <p>+6C. The Big Apple</p> <p>+6D. Beautiful places</p>	4	2	2	12	CELO10 CELO20 CELO21 CELO22 CELO23 CELO24 CELO25 CELO26 CELO27

5. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết;
- Thực hiện đầy đủ các bài tập, kỹ năng, thực hành và được đánh giá kết quả thực hiện;

- Tham dự kiểm tra trên học kỳ;
- Tham dự thi kết thúc học phần;
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN:

6.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	80% tổng số tiết	10%	CO2
2	Điểm bài tập	80% tổng số bài tập được giao	10%	CO1
3	Điểm kỹ năng - thực hành	80% các kỹ năng và thực hành	10%	CO1, CO2
4	Điểm kiểm tra quá trình	Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng,	10%	CO1, CO2
5	Điểm thi kết thúc học phần	Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng....	60%	CO1, CO2

6.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

7.1. Giáo trình chính:

[1] Louis Rogers, *Personal best A2_A Elementary (Student's Book and Workbook*

combined edition), Vietnam News Agency Publishing House.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Miles Craven, *Breakthrough (Second Edition)*, Macmillan

[3] Michael Swan, *Basic English Usage*, Oxford University Press

[4] Christina Latham Koenig, Clive Oxenden & Paul Seligson, *American English File (Second Edition)*, Oxford

7.3. Tài liệu trực tuyến:

https://drive.google.com/open?id=1AwNiJHmzriCVAwn8NNwwlD9vv11UC_w8

<https://drive.google.com/open?id=1k7hH0jWyNo-ABH7hiCBS8l37n-VU5Eb0>

https://drive.google.com/open?id=1BFyTdyPTsw-_RzEFVdXf6Hwoo7zmFojk

https://drive.google.com/open?id=1S_TyfjZ-qQEzrb4XFPXZrSpuks81aZYn

https://drive.google.com/open?id=1_cOUr5KPSy_fyNW7D5T0zRbKQTFZ-bN

https://drive.google.com/open?id=1S_TyfjZ-qQEzrb4XFPXZrSpuks81aZYn

<http://www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/index.shtml>

<http://www.chompchomp.com>

8. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP:

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi/Tiết	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên	Tài liệu/ Giáo trình		Ghi chú (nội dung tự học)
				Chính	Tham khảo	
1 (4 tiết)	Unit 1: You and me +1A. Meeting and greeting +1B. My summer blog +1C. Is that a “man bag”?	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành - Luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt	[1] Unit 1- Personal Best A3- textbook	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	

		dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết	động			
2 (4 tiết)	- Unit 1: You and me (cont) +1D. Where's my wallet? -Unit 2 : Work and play +2A. What I do +2B. Weekdays, weekends	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động	[1] Unit 1-2- Personal Best A3- textbook	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	
3 (4 tiết)	- Unit 2 : Work and play (cont) - Review and practice Unit 1 and 2 +2C. Find a roommate +2D. A new city	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động	[1] Unit 2- Personal Best A3- textbook	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	



		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết 				
4 (4 tiết)	<p>- Unit 3: People in my life</p> <p>+3A. Time together</p> <p>+3B. A new group</p> <p>+3C. Opposites attract</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành - Luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động 	[1] Unit 3- Personal Best A3- textbook	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	
5 (4 tiết)	<p>- Unit 3: People in my life (cont)</p> <p>+3D. A night out</p> <p>- Unit 4: Home and away</p> <p>+4A. 24 hours in the dark</p> <p>+4B. Weather around the world</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành - Luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động 	[1] Unit 3- 4-Personal Best A3- textbook	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	

		- Đánh giá - Tổng kết				
6 (4 tiết)	Ôn tập Kiểm tra giữa kì	- Củng cố kiến thức - Đưa ra bài kiểm tra	- Ghi chú - Làm bài kiểm tra	[1] Unit 1-2-3		
7 (4 tiết)	- Unit 4: Home and away (cont) - Review and practice Unit 3 and 4 +4C. A long weekend +4D. A vacation with friends	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành - Luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động	[1] Unit 4- Personal Best A3- textbook	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	
8 (4 tiết)	- Unit 5: What are you wearing ? +5A. Party time +5B. Don't tell me what to wear	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành - Luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động	[1] Unit 5- Personal Best A3- textbook	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	

		<ul style="list-style-type: none"> tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết 				
<p>9 (4 tiết)</p>	<p>- Unit 5: What are you wearing ? (cont) +5C. Do the things you love +5D. Can I try it on?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động 	[1] Unit 5- Personal Best A3- textbook	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	
<p>10 (4 tiết)</p>	<p>-Unit 6: Homes and cities +6A. A small space +6B. Amazing homes</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động 	[1] Unit 6- Personal Best A3- textbook	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	

		trò chơi - Đánh giá - Tổng kết				
11 (5 tiết)	-Unit 6: Homes and cities (cont) --Review and practice Unit 5 and 6 +6C. The Big Apple +6D. Beautiful places Ôn tập Kiểm tra cuối kỳ	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết - Củng cố kiến thức - Đưa ra bài kiểm tra	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động - Ghi chú - Làm bài kiểm tra	[1] Unit 6- Personal Best A3- textbook Unit 3-4- 5-6	[2] Breakthrough (Second Edition) – Miles Craven	

10. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** bài thi vấn đáp, khoảng 5 phút/sinh viên

11. DỰ KIẾN DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

1. ThS. Nguyễn Minh Triết
2. TS. David Perkins

12. THÔNG TIN LIÊN HỆ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Cơ bản – Trường Đại học Phan Thiết
- Giảng viên phụ trách: ThS. Lê Anh Linh

- Email: lalinh@upt.edu.vn
- Điện thoại: 0938 734 350

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Lê Anh Linh

Ngày 20 tháng 9 năm 2019

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Từ Thị Tuyết Vy